



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**QUÍ II NĂM TÀI CHÍNH ĐẦU TIÊN TỪ NGÀY 01/01/2014 KẾT
THỨC NGÀY 30/6/2014**

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014	2 - 5
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014	6 - 7
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014	8 - 9
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014	10- 37

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/6/2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Quý II năm 2014

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.103.654.414.695	945.709.617.559
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22.460.781.583	322.520.290.803
1. Tiền	111		22.460.781.583	17.420.290.803
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	305.100.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	112.000.000.000	162.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		112.000.000.000	162.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		604.551.271.393	347.908.948.312
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	374.263.010.525	2.237.545.063
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	186.841.756.797	331.375.516.865
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	44.913.719.165	15.718.810.720
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.467.215.094)	(1.422.924.336)
IV. Hàng tồn kho	140		356.193.970.625	91.800.249.755
1. Hàng tồn kho	141	V.6	356.193.970.625	91.800.249.755
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.448.391.094	21.480.128.689
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		979.873.124	548.215.556
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	11.319.719.344
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		721.178.400	11.960.109
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	6.747.339.570	9.600.233.680

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/6/2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.075.648.538.691	915.998.157.385
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		716.612.221.353	603.079.499.857
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	702.074.292.162	342.313.236.627
<i>Nguyên giá</i>	222		903.918.326.613	502.223.166.614
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(201.844.034.451)	(159.909.929.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	909.711.531	10.491.186.172
<i>Nguyên giá</i>	228		2.038.807.016	12.582.450.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.129.095.485)	(2.091.264.749)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	13.628.217.660	250.275.077.058
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		340.946.985.659	301.796.274.837
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	231.845.750.861	192.695.040.039
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	109.101.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		13.846.062.977	6.083.501.107
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	13.755.562.977	5.953.001.107
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		90.500.000	130.500.000
VI. Lợi thế thương mại	269	V.14	4.243.268.702	5.038.881.584
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.179.302.953.386	1.861.707.774.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/6/2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.197.570.918.823	944.250.691.329
I. Nợ ngắn hạn	310		1.003.039.256.150	748.376.896.489
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	764.400.179.612	625.340.131.807
2. Phải trả người bán	312	V.16	81.572.557.200	84.390.146.885
3. Người mua trả tiền trước	313		1.238.462.969	4.683.635.040
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	21.699.635.643	8.012.870.073
5. Phải trả người lao động	315		19.264.952.237	10.587.928.292
6. Chi phí phải trả	316	V.18	43.070.455.933	1.142.168.071
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.19	63.459.665.054	5.269.860.728
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.20	8.333.347.502	8.950.155.593
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-
II. Nợ dài hạn	330		194.531.662.673	195.873.794.840
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		61.200.000	467.600.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	192.235.262.673	189.896.537.795
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.22	2.235.200.000	5.509.657.045
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		947.532.491.387	887.531.847.895
I. Vốn chủ sở hữu	410		947.532.491.387	887.531.847.895
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	12.165.550.000	12.132.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.23	111.993.139.098	109.220.527.995
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.23	18.371.956.237	15.599.345.134
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.23	(1.616.929.007)	(1.616.929.007)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.23	199.118.775.059	144.696.353.773
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.24	34.199.543.176	29.925.235.720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.179.302.953.386	1.861.707.774.944

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/6/2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh		
		Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		5.487.000	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		252.770.900	-
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		13.960,95	13.430,88
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Ninh Hòa, ngày 15 tháng 08 năm 2014



Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: đồng)

Quý II năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	520.957.713.839	367.293.625.811	908.593.232.046	652.005.903.372	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	74.271.355	-	74.271.355	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	520.957.713.839	367.219.354.456	908.593.232.046	651.931.632.017	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	416.268.222.546	317.282.769.557	739.811.091.055	566.864.265.935	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		104.689.491.293	49.936.584.899	168.782.140.991	85.067.366.082	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.379.035.563	10.393.559.955	24.409.992.945	11.663.829.985	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	21.071.501.606	6.856.554.483	38.721.818.409	13.920.076.677	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		20.592.216.643	6.815.521.238	38.164.553.663	13.879.043.432	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.797.649.664	6.205.804.483	14.976.817.628	11.212.238.989	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	17.518.705.180	7.050.720.494	37.059.328.501	14.415.770.597	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		71.680.670.406	40.217.065.394	102.434.169.398	57.183.109.804	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.652.779.517	41.440.126.827	4.483.290.575	43.145.201.322	
12. Chi phí khác	32		465.014.997	32.521.499.457	3.708.761.575	33.503.417.813	
13. Lợi nhuận khác	40		1.187.764.520	8.918.627.370	774.529.000	9.641.783.509	
14. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết, liên doanh	45	VI.8	7.682.179.571	3.364.198.377	11.114.392.611	14.338.929.317	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		80.550.614.497	52.499.891.141	114.323.091.009	81.163.822.630	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	17.106.508.143	7.319.043.909	20.200.723.472	14.717.244.118	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014

Bảng kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	2.300.000.000	2.956.800.000	(300.021.783)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		63.444.106.354	42.880.847.232	91.165.567.537	66.746.600.295
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		957.872.429	(21.673.811)	4.274.307.456	9.689.502
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		62.486.233.925	42.902.521.043	86.891.260.081	66.736.910.793
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	1.029	1.415	1.431	2.197



Nguyễn Thị Như Hiền
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý II năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		114.323.091.009	81.163.822.630
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		39.926.434.746	37.423.361.438
- Các khoản dự phòng	03		44.290.758	-
- Lợi nhuận được chia từ các công ty liên kết	05		(11.114.392.611)	(16.177.830.467)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20.596.832.987)	(16.244.664.794)
- Chi phí lãi vay	06		38.164.553.663	13.879.043.432
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		160.747.144.578	100.043.732.239
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(212.824.113.644)	7.259.315.031
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(360.817.996.081)	(317.250.909.302)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		89.725.235.345	146.968.659.337
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(8.234.219.438)	(809.461.392)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(29.473.056.211)	(15.279.880.711)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(24.728.346.910)	(3.324.181.602)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(6.346.941.218)	(7.598.249.634)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(391.952.293.579)	(89.990.976.034)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(65.835.458.835)	(10.133.602.691)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		740.870.000	37.246.467.045
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(262.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(27.085.078.050)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.410.981.517	3.702.606.922
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(52.968.685.368)	30.815.471.276

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 kết thúc ngày 30/06/2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.071.404.856.358	501.633.985.180
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(926.543.386.631)	(388.393.926.213)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		144.861.469.727	113.240.058.967
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(300.059.509.220)	54.064.554.209
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	322.520.290.803	39.921.238.387
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	22.460.781.583	93.985.792.596

Ninh Hòa, ngày 15 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu

Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa cho Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ :** Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh :** Sản xuất – chế biến
- Hoạt động kinh doanh chính trong năm:**
 - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
 - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
 - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
 - Gia công chế tạo cơ khí;
 - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
 - Vận tải hàng hóa đường bộ;
 - Sản xuất phân bón;
 - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
 - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Chăn nuôi bò thịt giống gốc, vỗ béo bò thịt chất lượng cao; sản xuất cung cấp các giống vật nuôi phục vụ chăn nuôi; sản xuất cung cấp các giống cây trồng phục vụ ngành chăn nuôi; truyền giống, đào tạo, chuyên giao dịch vụ chăn nuôi thú y; trồng mía và các cây công nghiệp khác; kinh doanh bất động sản, kho bãi .
- Tổng số các công ty con :** 03

5. Công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Bò Giống Miền Trung	Xã Ninh Sim – Huyện Ninh Hòa – Khánh Hòa	62,92%	62,92%
Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	Số 160 Bác Ái - Phường Đô Vinh - Tp. Phan Rang - Tháp Chàm - Tỉnh Ninh Thuận	51,68%	51,68%
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Xã Ninh Xuân – Thị Xã Ninh Hòa- Tỉnh Khánh Hòa	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Mía Đường 333	Thị trấn EaKnốp - Huyện EaKar - Tỉnh ĐắkLắk	42,10%	42,10%
Công ty Cổ phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Số 561 Trần Hưng Đạo – Thị xã Ayunpa – Tỉnh Gia Lai	22,98%	22,98%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 hàng năm.

Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đường Ninh Hòa (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại Công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

pháp đường thẳng trong vòng 5 năm. Khi ghi nhập các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Gia súc	12

9. Tài sản cố định vô hình

Giá trị quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

Đối với chứng khoán không thu thập được giá giao dịch trên thị trường thì không lập dự phòng. Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

Giá trị còn lại của tài sản cố định

Toàn bộ giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình và vô hình không thỏa mãn tiêu chuẩn ghi nhận Tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/2/2013 được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 36 tháng.

Các chi phí khác

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m² làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

13. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

14. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa – Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

15. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

20. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

21. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	328.561.978	342.200.979
Tiền gửi ngân hàng	22.132.219.605	17.078.089.824
Tiền đang chuyển	-	305.100.000.000
Cộng	<u>22.460.781.583</u>	<u>322.520.290.803</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	90.000.000.000	92.000.000.000
Công ty TNHH Đầu Tư Thương mại Thuận Thiên	-	50.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	-
Cộng	<u>112.000.000.000</u>	<u>162.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thành Thành Công	239.282.853.270	-
Công ty Cổ Phần TM Thành Thành Công	57.960.000.000	-
Công ty Cổ Phần SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	36.170.870.400	-
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	11.886.574.841	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Trung	27.651.864.350	-
Các khách hàng khác	1.310.847.664	2.237.545.063
Cộng	<u>374.263.010.525</u>	<u>2.237.545.063</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2010	615.388.643	612.249.554
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2011-2012	565.607.496	592.233.579
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2012-2013	1.466.667.645	2.726.757.940
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	298.044.422	197.150.939.616
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	149.695.861.263	-
TRIVENI TURBINE LIMITED	-	51.870.829.122
Công ty CP SX-TM Bao Bì Thành Thành Công	-	33.009.216.489
Công ty CP Điện Lực Khánh Hòa	-	30.366.707.350
Công ty TNHH TM ĐT Thuận Thiên	29.551.090.000	7.500.000.000
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	1.214.000.000
Các nhà cung cấp khác	3.435.097.328	6.332.583.215
Cộng	<u>186.841.756.797</u>	<u>331.375.516.865</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH TM Đầu tư Thuận Thiên	17.644.150.416	-
Công ty CP Mía Đường 333	-	4.210.777.200
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	19.401.580.998	-
Đặt cọc tiền mua cổ phiếu của Công ty Cổ phần Mía Đường Phan Rang	3.085.078.050	-
Công ty Cổ phần TM Thành Thành Công	68.425.000	-
Lãi tiền phải thu	-	3.726.702.389
Các đối tượng khác	4.714.484.701	2.101.611.131
Cộng	<u>44.913.719.165</u>	<u>15.718.810.720</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	18.698.569.287	16.843.908.831
Công cụ, dụng cụ	354.817.154	347.541.791
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	4.049.458.797	11.977.709.655
Thành phẩm	316.899.044.240	62.127.601.440
Hàng hóa	16.192.081.147	503.488.038
Cộng	<u>356.193.970.625</u>	<u>91.800.249.755</u>

7. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	962.639.732	3.545.533.842
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	5.784.699.838	6.054.699.838
Cộng	<u>6.747.339.570</u>	<u>9.600.233.680</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	58.993.218.250	414.687.238.266	24.935.985.820	3.606.724.278	502.223.166.614
Tăng trong kỳ	17.862.960.653	385.728.899.129	2.076.700.000	316.245.545	405.984.805.327
Giảm trong kỳ	-	(1.287.044.128)	(3.002.601.200)	-	(4.289.645.328)
Số cuối kỳ	76.856.178.903	799.129.093.267	24.010.084.620	3.922.969.823	903.918.326.613
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		24.773.372.051	-	82.455.843	24.855.827.894
Giá trị hao mòn					
Số đầu kỳ	19.572.394.916	129.546.850.614	9.639.813.417	1.150.871.040	159.909.929.987
Khấu hao trong kỳ	3.120.515.580	34.437.838.389	1.863.266.881	362.787.723	39.784.408.573
Giảm do trong kỳ	627.482.729	2.171.216.442	(750.650.310)	101.647.030	2.149.695.891
Số cuối kỳ	23.320.393.225	166.155.905.445	10.752.429.988	1.615.305.793	201.844.034.451
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.420.823.334	285.140.387.652	15.296.172.403	2.455.853.238	342.313.236.627
Số cuối kỳ	53.535.785.678	632.973.187.822	13.257.654.632	2.307.664.030	702.074.292.162

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử Dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	12.079.750.921	502.700.000	12.582.450.921
Mua trong kỳ	-	40.000.000	40.000.000
Tăng khác	-	36.379.934	36.379.934
Giảm do điều chỉnh	(10.620.023.839)	-	(10.620.023.839)
Số cuối kỳ	1.459.727.082	579.079.934	2.038.807.016
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.839.914.758	251.349.991	2.091.264.749
Khấu hao trong kỳ	87.260.208	54.765.965	142.026.173
Giảm do điều chỉnh	(1.118.343.185)	14.147.748	(1.104.195.437)
Số cuối kỳ	808.831.781	320.263.704	1.129.095.485
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.239.836.163	251.350.009	10.491.186.172
Số cuối kỳ	650.895.301	258.816.230	909.711.531

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m²).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m²).

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này
Số đầu năm	250.275.077.058
Tăng trong kỳ	400.674.586.878
K/c sang tài sản cố định trong kỳ	(356.778.072.847)
Số cuối kỳ	13.628.217.660

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	8.800.000	22,98%	144.382.044.546	6.400.000	22,98%	112.538.806.866
Công ty CP Mía Đường 333	3.508.981	42,1%	87.463.706.315	3.508.981	42,1%	80.156.233.173
Cộng			231.845.750.861			192.695.040.039

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết như sau:

	Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty CP Mía Đường 333	Cộng
Giá trị phần sở hữu đầu kỳ	112.538.806.866	80.156.233.173	192.695.040.039
Góp vốn trong kỳ	24.000.000.000	-	24.000.000.000
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	4.186.740.268	6.927.652.343	11.114.392.611
Điều chỉnh khác	3.656.497.412	379.820.799	4.036.318.211
Giá trị phần sở hữu cuối kỳ	144.382.044.546	87.463.706.315	231.845.750.861

12. Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu

Tên công ty	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Số lượng	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ Phần Điện Gia Lai	7.000.000	13,39%	84.000.000.000	7.000.000	13,39%	84.000.000.000
Công ty Cổ Phần Giao dịch hàng hóa Sơn Tín	1.500.000	10%	19.500.000.000	1.500.000	10%	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Thành Thành Công	420.000	14%	4.200.000.000	420.000	14%	4.200.000.000
Công ty Cổ Phần Đường Biên Hòa	116.648	0,4%	1.401.234.798	116.648	0,4%	1.401.234.798
Cộng			109.101.234.798			109.101.234.798

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	5.953.001.107
Tăng trong kỳ	10.535.955.419
K/c sang chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	<u>(2.733.393.549)</u>
Số cuối kỳ	<u>13.755.562.977</u>

14. Lợi thế thương mại

	<u>Kỳ này</u>
Nguyên giá	
Số đầu năm	7.956.128.816
Số cuối kỳ	<u>7.956.128.816</u>
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	2.917.247.232
Phân bổ trong kỳ	<u>795.612.882</u>
Số cuối kỳ	<u>3.712.860.114</u>
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	5.038.881.584
Số cuối kỳ	<u>4.243.268.702</u>

15. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	733.795.321.740	592.501.066.511
<i>Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa</i>	199.707.561.249	235.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang</i>	132.552.257.824	133.234.657.033
<i>Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk</i>	50.000.000.000	50.000.000.000
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	38.500.000.000	45.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CN1, Tp.HCM</i>	20.000.000.000	30.000.000.000
<i>Ngân hàng TM Chinatrust - CN TP.HCM</i>	21.000.000.000	21.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa</i>	77.557.681.782	18.195.123.278
<i>Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM</i>	36.600.000.000	14.000.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa</i>	98.977.820.885	11.950.000.000
<i>Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang</i>	10.900.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa</i>	15.000.000.000	-
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Ninh Thuận</i>	12.000.000.000	-
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	21.000.000.000	34.121.286.200
Vay dài hạn đến hạn trả	30.604.857.872	32.839.065.296
<i>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</i>	30.604.857.872	20.346.565.296
<i>Ngân hàng đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận</i>	-	10.492.500.000
<i>Ngân hàng TM CP Sài Gòn Thương Tín</i>	-	2.000.000.000
Cộng	<u>764.400.179.612</u>	<u>625.340.131.807</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**16. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	29.919.992.178	21.830.746.350
Công ty TNHH TM DT Thuận Thiên	15.789.857.000	-
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	10.722.557.500	-
Công ty TNHH Hồng Nhung	8.203.940.700	-
Công ty CP BVTV I Trung ương-CN Nam Trung Bộ	2.815.588.314	-
Công ty Cổ Phần Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	1.106.627.520	-
Công ty CP Công Nghiệp Hiệp Thành	1.086.368.000	6.339.623.700
Công ty CP Đường Biên Hòa	-	4.791.721.766
Công ty TNHH MHE-Demag Việt Nam	526.244.400	3.683.710.800
Công ty TNHH MTV THG Việt Nam	462.123.775	2.359.318.141
Behn Meyer Specialty Chemicals SDN.BHD	-	1.487.913.629
GEA Heat Exchangers Pte Ltd	-	1.442.178.290
Tiền mía, tiền vận chuyển mía, bốc xếp mía	1.774.154.529	22.156.458.121
Các nhà cung cấp khác	9.165.103.284	20.298.476.088
Cộng	81.572.557.200	84.390.146.885

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.816.979	15.764.219.739	(10.735.938.926)	5.033.097.792
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	161.787.245	(161.787.245)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	92.034.604	(92.034.604)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	6.869.383.491	20.255.543.366	(10.763.247.230)	16.361.679.627
Thuế thu nhập cá nhân	667.304.223	796.876.694	(1.838.591.301)	(374.410.384)
Thuế tài nguyên	502.480	17.298.640	(17.309.480)	491.640
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	387.790.522	(182.185.642)	205.604.880
Thuế, phí, lệ phí	-	111.700.000	(111.700.000)	-
Các loại thuế khác	470.862.900	106.683.270	(825.552.482)	(248.006.312)
- Thuế môn bài	-	13.000.000	(13.000.000)	-
- Thuế nhà thầu (*)	470.862.900	93.683.270	(812.552.482)	(248.006.312)
Cộng	8.012.870.073	37.693.934.080	(24.728.346.910)	20.978.457.243

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày tại chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Không chịu thuế: Hoạt động chăn nuôi, trồng trọt.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm, sản phẩm và dịch vụ khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

18. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trích trước chi phí bổ sung cuối vụ, chi phí khuyến mại, hoàn thành hợp đồng, bóc lá mía	22.137.310.788	-
Chi phí sửa chữa lớn máy móc thiết bị	5.032.200.000	-
Chi phí vận chuyển	1.771.616.818	-
Chi phí khác	14.129.328.327	1.142.168.071
Cộng	43.070.455.933	1.142.168.071

19. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	69.520.300	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	41.008.497	-
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	20.000.000.000	-
Phải trả tiền cổ tức	32.466.122.000	2.847.996.800
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	294.200.000	899.800.000
Tiền lãi phải trả	4.329.806.688	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Ninh Thuận	2.698.083.727	-
Các khoản phải trả khác	3.560.923.842	1.522.063.928
Cộng	63.459.665.054	5.269.860.728

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ khen thưởng Ban điều hành	Cộng
Số đầu năm	4.616.866.111	1.805.827.238	2.527.462.244	8.950.155.593
Tăng do trích lập	3.881.655.544	1.663.566.662	1.000.000.000	6.545.222.206
Chi quỹ trong kỳ	(3.781.667.578)	(887.640.020)	(1.677.633.620)	(6.346.941.218)
Điều chỉnh	-	-	(815.089.079)	(815.089.079)
Số cuối kỳ	4.716.854.077	2.581.753.880	1.034.739.545	8.333.347.502

21. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) (a)	99.465.787.935	101.732.826.364
Ngân hàng TM CP Á Châu (b)	53.163.260.002	48.768.390.295
Ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Ninh Thuận (c)	32.577.496.136	32.577.496.136
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - Ninh Thuận (d)	7.028.718.600	6.817.825.000
Cộng	192.235.262.673	189.896.537.795

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

(a) Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam):

Hợp đồng tín dụng số VNM 130590CM ngày 03 tháng 07 năm 2013; Giá trị vay 12.000.000 USD (Mười hai triệu Đô La Mỹ chẵn); thời hạn rút vốn 18 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để tài trợ mua máy móc thiết bị gia tăng công suất từ 4.300Tấn/ngày lên 6.000 Tấn/ngày; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Trước ngày rút vốn lần đầu theo hợp đồng được Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công bảo lãnh với khoản tiền được bảo lãnh tương đương 12.000.000 USD; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số VNM 130590 CM/MM2 ngày 03 tháng 07 năm 2013; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số VNM 130590 CM/LH ngày 10 tháng 10 năm 2013; Hợp đồng thế chấp số VNM 130590 CM/MM1 ngày 02 tháng 10 năm 2013.

(b) Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân Hàng Á Châu:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 05.04.13/HDCTTC-ĐNH ngày 22 tháng 4 năm 2013; Tài sản cho thuê là 01 Bộ tổ máy Turbine máy phát điện công suất 30.000 KW, Model: 30MW STG, xuất xứ Ấn Độ, mới 100%; Giá trị tài sản cho thuê bằng VND tương đương 2.734.000 USD theo tỷ giá bán USD của Ngân hàng Á Châu tại ngày thanh toán cho bên cung ứng tài sản; Số tiền cho thuê: 54.065.000.000 VND (Năm mươi bốn tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu đồng) + 100% phí bảo hiểm. Số tiền cho thuê được giải ngân nhiều lần trong thời hạn tối đa 12 tháng kể từ ngày ký HDCTTC hoặc theo tiến độ được bên thuê chấp thuận bằng văn bản; Giá trị mua lại tài sản là: 162.195.000 VND (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm chín mươi lăm ngàn đồng) và thu một lần khi kết thúc thời hạn cho thuê tài chính hoặc khi HDCTTC được thanh lý; Biện pháp đảm bảo tiền vay là số tiền ký cược của bên thuê: 5.406.500.000 VND (Năm tỷ bốn trăm lẻ sáu triệu năm trăm ngàn đồng); Lãi suất cho thuê tài chính: lãi suất trong hạn được quy định theo từng khung ước nhận nợ và được điều chỉnh theo quy định tại HDCTTC; Lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn; Thời hạn cho thuê 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, trong đó thời gian ân hạn vốn gốc 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên; Ngày nhận nợ là ngày Hợp đồng mua bán tài sản giữa bên cung ứng tài sản, Bên cho thuê và Bên thuê hoặc Hợp đồng ủy thác nhập khẩu giữa Bên cho thuê và Bên thuê có hiệu lực theo pháp luật. Thanh toán tiền thuê tài chính: Nợ gốc tiền thuê tài chính định kỳ hàng quý theo dư nợ thực tế, trả sau thời gian ân hạn vốn gốc, số tiền trả nợ hàng quý định kỳ mỗi năm theo tỷ lệ như sau:

Lần	Ngày trả nợ	Tỷ lệ trả nợ vốn gốc
1	20/03	15%
2	20/06	35%
3	20/09	35%
4	20/12	15%

(c) Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Ninh Thuận:

Hợp đồng tín dụng số 04/661136/2013/HDTD ngày 30/9/2013; Giá trị vay 33.298.000.000 VND (Ba mươi ba tỷ hai trăm chín mươi tám triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để cơ cấu tài chính phần vốn ngắn hạn đã sử dụng để đầu tư Dự án nâng cấp Máy móc thiết bị hoàn thiện và ổn định ép 1.000 TMN của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo từng lần nhận nợ; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 02/661136/2013/HDTC ngày 25/9/2013.

Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTDTH ngày 12/9/2012; Giá trị vay 4.900.000.000 VND (Bốn tỷ chín trăm triệu đồng); Thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012 của Công ty CP Đường Phan Rang; Lãi suất vay theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của Dự án đầu tư nâng cấp tài sản cố định năm 2012; toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi bằng VND và ngoại tệ của

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bên vay tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác; Các khoản thu theo hợp đồng kinh tế được ký kết của Bên vay và đối tác khác mà Bên vay thụ hưởng.

Hợp đồng số 001/2010/HĐTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.106.500.000 VND (Bảy tỷ một trăm lẻ sáu triệu năm trăm nghìn đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị năng lượng Lò Hơi và máy Turbo phát điện của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/7/2010.

Hợp đồng số 002/2010/HĐTDDH ngày 30/7/2010; Giá trị vay 7.500.000.000 VND (Bảy tỷ năm trăm triệu đồng); thời hạn vay 84 tháng; Mục đích vay để đầu tư Dự án thiết bị công nghệ nâng công suất nhà máy 1.000 TMN của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất thả nổi bằng lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau + 3,5%/năm và được điều chỉnh theo thông báo ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay, hợp đồng thế chấp số 01TCVV/2010/HĐTC ngày 30/7/2010.

(d) *Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Ninh Thuận:*

Hợp đồng số 0066/NTH/13CD ngày 27/6/2013; Giá trị vay 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng); thời hạn vay 60 tháng; Mục đích vay để đầu tư dự án hoàn thiện và ổn định công suất ép 1.400 TMN trong năm 2013 của Công ty CP Mía Đường Phan Rang; Lãi suất theo thông báo của Ngân hàng; Biện pháp đảm bảo: Thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, hợp đồng thế chấp số 0068/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013 và 0075/2013/VCB.NTH ngày 27/6/2013.

22. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế thu nhập hoãn lại:		
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	2.235.200.000	5.509.657.045
Cộng	2.235.200.000	5.509.657.045

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	101.382.082.596	11.680.122.435	(1.616.929.007)	117.078.982.100	544.608.688.124
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	66.736.910.793	66.736.910.793
Trích quỹ trong kỳ	-	-	5.414.260.142	2.707.130.071	-	(13.543.307.413)	(5.421.917.200)
Điều chỉnh	-	-	-	-	-	3.356.943.179	3.356.943.179
Số dư tại ngày 30/06/2013	303.750.000.000	12.334.430.000	106.796.342.738	14.387.252.506	(1.616.929.007)	173.629.528.659	609.280.624.896
Số dư tại ngày 01/01/2014	607.500.000.000	12.132.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	(1.616.929.007)	144.696.353.773	887.531.847.895
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	86.891.260.081	86.891.260.081
Trích quỹ trong kỳ	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	-	(13.199.488.853)	(7.654.266.647)
Chi quỹ trong kỳ	-	-	-	-	-	11.105.650.058	11.138.650.058
Điều chỉnh	-	33.000.000	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Số dư tại ngày 30/06/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	(1.616.929.007)	199.118.775.059	947.532.491.387

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**24. Lợi ích cổ đông thiểu số**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số dư đầu năm	29.925.235.720
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.274.307.456
Số cuối kỳ	<u>34.199.543.176</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu		
Doanh thu đường RS	383.700.787.836	269.136.002.370
Doanh thu mật ri	29.652.219.088	17.539.773.830
Doanh thu bunn, tro, bã mía	4.528.423.355	7.087.597.902
Doanh thu điện thương phẩm	18.502.483.100	913.188.949
Doanh thu khác	84.573.800.460	72.617.062.760
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	<i>(74.271.355)</i>
Doanh thu thuần	<u>520.957.713.839</u>	<u>367.219.354.456</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn đường RS	285.292.010.586	220.892.370.152
Giá vốn mật ri	29.652.219.088	21.011.835.885
Giá vốn bunn, tro, bã mía	2.456.723.708	5.286.137.364
Giá vốn điện thương phẩm	16.484.394.165	913.188.949
Giá vốn khác	82.382.874.999	69.179.237.207
Cộng	<u>416.268.222.546</u>	<u>317.282.769.557</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	7.316.994.197
Lãi tiền gửi ngân hàng	706.680.681	566.736.388
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	2.050.532.234	1.874.789.297
Chênh lệch tỷ giá	2.750.787	598.002.558
Lãi cho vay, ứng trước tiền mua hàng hóa, lãi chậm thanh toán	11.619.071.861	-
Doanh thu tài chính khác	-	37.037.515
Cộng	<u>14.379.035.563</u>	<u>10.393.559.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí lãi vay	20.592.216.643	6.815.521.238
Chênh lệch tỷ giá	440.238.341	41.033.245
Chi phí tài chính khác	39.046.622	-
Cộng	21.071.501.606	6.856.554.483

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí nhân viên	422.203.149	405.807.736
Chi phí vận chuyển	8.243.448.079	4.579.598.729
Chi phí bằng tiền khác	131.998.436	1.220.398.018
Cộng	8.797.649.664	6.205.804.483

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	10.672.531.952	3.933.570.676
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	243.425.952	437.716.306
Chi phí khấu hao tài sản cố định	616.263.570	510.992.077
Chi phí phân bổ lợi thế thương mại	397.806.441	397.806.441
Chi phí khác	5.588.677.265	1.770.634.994
Cộng	17.518.705.180	7.050.720.494

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu thanh lý tài sản	69.620.000	37.246.467.045
Thu phạt vi phạm hợp đồng	957.743.980	2.966.398.762
Thu nhập khác	625.415.537	1.227.261.020
Cộng	1.652.779.517	41.440.126.827

8. Phần lãi hoặc lỗ trong Công ty liên kết liên doanh

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	7.682.179.571	3.364.198.377
Cổ tức đã nhận trong kỳ	-	-
Cộng	7.682.179.571	3.364.198.377

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	62.486.233.925	42.902.521.043
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	62.486.233.925	42.902.521.043
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	60.750.000	30.375.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.029	1.415

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong kỳ là 146.000.000 VND, cùng kỳ năm trước là 269.100.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong kỳ này là 2.524.668.140 VND, cùng kỳ năm trước là 1.489.644.687 VND

2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường 333	Công ty liên kết
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 19,43% vốn điều lệ

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bán thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Công ty Cổ phần Đầu Tư Thành Thành Công		
Bán đường thành phẩm, mật ri	387.056.892.901	109.673.643.250
Bán thanh lý tài sản	2.090.000.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	1.004.831.425	-
Thu tiền bán đường, mật ri	158.448.080.556	-
Tiền lãi cho vay ngắn hạn, lãi chậm thanh toán	8.030.963.039	777.397.332
Cho vay ngắn hạn	165.500.000.000	-
Thu tiền gốc cho vay	167.500.000.000	-
Vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Thanh toán tiền vay ngắn hạn	-	12.000.000.000
Nhận tiền ứng trước mua đường, mật ri	-	124.691.583.334
Lãi ứng trước tiền mua đường, mật ri	-	213.333.334
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung		
Chi phí quản lý đất và cơ sở hạ tầng	66.000.000	-
Ứng trước tiền đầu tư (phân, thuốc, thiết bị)	2.676.672.679	-
Mua mía nguyên liệu	3.392.867.883	-
Tiền lãi cho vay	13.180.556	-
Công ty CP Mía đường Phan Rang		
Bán thanh lý TS, phế liệu	159.390.000	-
Mua hàng hóa, dịch vụ	331.863.912	-
Đặt cọc tiền mua cổ phiếu	3.085.078.050	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa		
Bán bã mía	4.601.834.624	-
Thanh toán tiền lãi vay	571.111.000	-
Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai - SEC		
Bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
Thu tiền bán thanh lý tài sản	660.000.000	-
Công ty CP Mía Đường 333		
Lãi phải thu	126.323.315	-
Nhận cổ tức năm 2012	4.422.719.651	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	22.460.781.583	322.520.290.803	22.460.781.583	322.520.290.803
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	109.101.234.798	109.101.234.798	109.101.234.798	109.101.234.798
Phải thu khách hàng	374.263.010.525	2.237.545.063	374.263.010.525	2.237.545.063
Các khoản phải thu khác	50.193.843.641	23.896.120.064	50.193.843.641	23.896.120.064
Cộng	668.018.870.547	619.755.190.728	668.018.870.547	619.755.190.728
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	956.635.442.285	815.236.669.602	956.635.442.285	815.236.669.602
Phải trả cho người bán	81.572.557.200	84.390.146.885	81.572.557.200	84.390.146.885
Các khoản phải trả khác	125.736.010.924	16.921.169.879	125.736.010.924	16.921.169.879
Cộng	1.163.944.010.409	916.547.986.366	1.163.944.010.409	916.547.986.366

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

<u>Tài sản thế chấp</u>	<u>Giá trị sổ sách</u>	<u>Điều khoản và điều kiện thế chấp</u>
Số cuối kỳ		
Hàng tồn kho	316.899.044.240	
Cổ phiếu	336.746.985.659	
Tài sản cố định hữu hình	9.854.869.197	
Cộng	663.500.899.096	
Số đầu năm		
Hàng tồn kho	62.127.601.440	
Cổ phiếu	231.845.750.861	
Tài sản cố định hữu hình	320.657.566.009	
Cộng	614.630.918.310	

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 30 tháng 06 năm 2014 và vào ngày 01 tháng 01 năm 2014.

5. **Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản đầu tư trồng mía) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, các cá nhân và các tổ chức nhận đầu tư phải có điều kiện đảm bảo khoản nhận đầu tư theo qui định và nhân viên kế toán công nợ, nhân viên nông vụ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. **Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	764.400.179.612	192.235.262.673	-	956.635.442.285
Phải trả cho người bán	81.572.557.200	-	-	81.572.557.200
Các khoản phải trả khác	125.736.010.924	-	-	125.736.010.924
Cộng	971.708.747.736	192.235.262.673	-	1.163.944.010.409
Số đầu năm				
Vay và nợ	625.340.131.807	189.896.537.795	-	815.236.669.602
Phải trả cho người bán	84.390.146.885	-	-	84.390.146.885
Các khoản phải trả khác	16.921.169.879	-	-	16.921.169.879
Cộng	726.651.448.571	189.896.537.795	-	916.547.986.366

Tập đoàn cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm – Ninh Xuân – Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý II của năm tài chính đầu tiên từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các cổ phiếu do Tập đoàn nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

8. Thông tin khác

Kết quả hoạt động kinh doanh Quý II năm 2014 so với Quý II năm 2013

	Quý II/2014	Quý II/2013	Biến động (+,-)	Tỷ lệ (%)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	104.689.491.293	49.936.584.899	54.752.906.394	109,64
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	71.680.670.406	40.217.065.394	31.463.605.012	78,23
Lợi nhuận kế toán trước thuế	80.550.614.497	52.499.891.141	28.050.723.356	53,43

Các nguyên nhân ảnh hưởng đến sự biến động:

- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý II năm 2014 tăng so với cùng kỳ năm trước là 54.752.906.394 VND, tương đương tăng 109,64%; nguyên nhân do Quý II/2014 Tập đoàn tăng doanh thu đáng kể sản phẩm đường, mật, điện so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế Quý II năm 2014 tăng đáng kể so với cùng kỳ năm trước là 28.050.723.356 VND, tương đương tăng 53,43%, biến động tăng cùng chiều với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Ninh Hòa, ngày 15 tháng 08 năm 2013


Nguyễn Thị Như Hiếu
Người lập biểu


Ngô Thị Thu Trang
Kế toán trưởng


Võ Thị Thủy Tiên
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng
Tổng Giám đốc